

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3  
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế**  
**Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	1112	290	266	204	352
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	942 84.71	237 81.72	220 82.71	158 77.45	153 92.90
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	128 11.51	39 13.45	41 15.41	26 12.75	22 6.25
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	41 3.69	14 4.83	5 1.88	19 9.31	3 0.85
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.09			1 0.49	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	1112	290	266	204	352
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	387 34.80	122 42.07	89 33.46	53 25.98	123 34.94
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	434 39.03	117 40.34	109 40.98	79 38.73	129 36.65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	262 23.56	38 13.10	58 21.80	66 32.35	100 28.41
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	29 2.61	13 4.48	10 3.76	6 2.94	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	1112	290	266	204	352
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1083 97.39	277 95.52	256 96.24	198 97.06	352 100
a	Học sinh giỏi/học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	382 34.44	120 41.38	87 32.71	53 25.98	123 34.94
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	129 11.60				129 36.65
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	28 2.52	13 4.48	10 3.76	5 2.45	0 0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.09	0 0	0 0	1 0.49	0 0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	64 5.76	13 4.48	28 10.53	14 6.86	9 2.56
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.36	1 0.34	2 0.75	0 0	1 0.28
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	23	0	0	5	18
1	Cấp huyện	9	0	1	1	7
2	Cấp tỉnh/thành phố	11	1	0	2	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	352	0	0	0	352
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	352	0	0	0	352
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	123 34.94	0 0	0 0	0 0	123 34.94
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129 36.55	0 0	0 0	0 0	129 36.55
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	100 28.41	0 0	0 0	0 0	100 28.41
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	595/517	142/148	144/122	110/94	199/153
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	45	17	8	4	16

Quận 3, ngày 31 tháng 5 năm 2024  
**HIỆU TRƯỞNG**